

Bản án số: 32/2022/HS-PT
Ngày 06 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/TLPT- HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với vụ án Nguyễn Thành N, do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 161/2021/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/01/1997 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1; vợ là Phạm Thị Kiều M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2021 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thành N:

1. Bà Kim Hồng T2, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

2. Bà Bùi Thị H, Luật sư, Văn phòng Luật sư HB, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phố TH, phường ND, quận G, thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Ông Tạ Duy T3, Luật sư, Công ty Luật TNHH BK, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phố TĐ, phường TĐ, quận HB, thành phố Hà Nội (có mặt).

Trong vụ án còn có bị hại là bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị T4, anh Bùi Thành C, chị Vũ Thị Thanh N2 và anh Nguyễn Anh Đ nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần phương tiện đi lại nên ngày 03/8/2017, Nguyễn Thành N gọi điện thoại nhờ bạn mới quen là Nguyễn Hữu Đ1 tìm giúp nơi cho thuê xe ô tô tự lái. Đạt đồng ý và giới thiệu cho N biết anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn Đ2, xã T5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khoảng 10 giờ ngày 05/8/2017, N đến nhà anh H1 hỏi thuê xe ô tô tự lái và được anh H1 đồng ý. Hai bên thỏa thuận: N thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu sơn bạc, biển kiểm soát 88A- 077.29, thời hạn thuê từ 11 giờ ngày 05/8/2017 đến 11 giờ ngày 08/8/2017, giá thuê là 400.000đ/1ngày và 150.000đ/1đêm. N để lại 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy khai sinh (đều là bản phô tô và mang tên Nguyễn Thành N); 01 sổ hộ khẩu bản photo mang tên chủ hộ Nguyễn Văn T1 (bố đẻ N) và 01 sơ yếu lý lịch tự thuật dán ảnh mang tên Nguyễn Thành N để làm tin. Anh H1 đưa cho N mẫu hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đã soạn thảo sẵn, có mục đại diện chủ xe (bên A) là “bà Nguyễn Thị N1, địa chỉ: Khu C1, Q, B, Vĩnh Phúc”, còn mục người có nhu cầu thuê xe (bên B) để trống nên N ghi các nội dung thỏa thuận nêu trên vào hợp đồng rồi cùng anh H1 ký kết. Anh H1 đã bàn giao xe ô tô BKS 88A-077.29 cho N cùng các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 88A - 077.29; 01 giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP B1 chi nhánh Vĩnh Phúc; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe ô tô (tất cả đều là bản photocopy và mang tên Nguyễn Đăng H2). Sau khi thuê được xe, N sử dụng làm phương tiện đi lại. Hết thời hạn thuê, N gọi điện cho anh H1 đề nghị gia hạn hợp đồng thuê xe và cứ 10 ngày N sẽ đến trả tiền thuê một lần, anh H1 đồng ý. Tuy nhiên, N chỉ thanh toán tiền thuê xe một lần là 2.100.000đ, còn lại không thực hiện.

Đến ngày 16/8/2017, N nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô nêu trên lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã đến gặp chị Vũ Thị Thanh N2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã M1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc đặt vấn đề cầm cố xe để vay 50.000.000đ. Tại đây, N nói dối xe ô tô này là của N nên chị N2 tin tưởng đồng ý nhận cầm cố cho N vay 50.000.000đ, với lãi là 5.000.000đ được trừ luôn vào tiền vay gốc, còn 45.000.000đ. N đồng ý và viết giấy có tiêu đề bán, cho, tặng xe ô tô cho chị N2 với giá tiền 50.000.000đ, chị N2 đưa cho N số tiền 45.000.000đ. N bàn giao cho chị N2 xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe như anh H1 đã giao trước đó. Sau khi cầm cố xe ô tô, N đã tiêu hết tiền dẫn đến không có khả năng chuộc lại xe trả anh H1. Đầu tháng 09/2017, do không có chỗ để xe nên chồng chị N2 là anh Bùi Thành C mang xe ô tô nêu trên đến gửi tại nhà chị gái ruột là Bùi Thị T4, sinh năm 1982 ở khu 11, thị trấn L2, huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau một thời gian, không thấy N trả xe và tiền thuê đúng hạn, anh H1 đã gọi điện thoại để đòi nhiều lần nhưng N đều trốn tránh không mang trả xe. Anh H1 đã báo lại sự việc với bà N2 nên ngày 04/9/2017, bà N2 đến Công an trình báo toàn bộ sự việc như đã nêu trên.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thành N bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 11/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V ra Quyết định truy nã đối với N. Ngày 17/8/2021, N đến cơ quan Công an đầu thú.

Ngày 08/9/2017, anh Nguyễn Văn H1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái đề ngày 05/8/2017; 01 chứng minh nhân dân bản photocopy và 01 giấy khai sinh bản photocopy đều mang tên Nguyễn Thành N; 01 sổ hộ khẩu bản photocopy mang tên chủ hộ Nguyễn Văn T1 (bố đẻ N) và 01 sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Thành N (có dán ảnh của N) để phục vụ công tác điều tra. Cơ quan điều tra tiến hành cho anh H1 nhận dạng qua ảnh kết quả anh H1 xác nhận N là người thuê xe ô tô BKS: 88A - 077.29.

Ngày 13/9/2017, chị Bùi Thị T4 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu sơn bạc, BKS: 88A - 077.29. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị N1, bà N1 giao cho anh Nguyễn Văn H1 (là cháu) giúp việc kinh doanh cho thuê xe tự lái. Ngày 06/11/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cùng các giấy tờ kèm theo xe cho chủ sở hữu.

Ngày 14/9/2017, chị Vũ Thị Thanh N2 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 88A - 077.29, 01 giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP B1- chi nhánh Vĩnh Phúc; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe ô tô trên, tất cả đều là bản photocopy mang tên Nguyễn Đăng H2 và 01 giấy bán, cho, tặng xe (bản gốc) đề ngày 16/8/2017 có nội dung Nguyễn Thành N viết bán cho chị N2 xe ô tô BKS 88A - 077.29 với giá 50.000.000đ. Nhận dạng qua ảnh, chị N2 xác định N chính là người cầm cố xe ô tô nêu trên vào ngày 16/8/2017.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 173/KL-HĐĐG ngày 06/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: *“01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển số đăng ký 88A-077.29 trị giá: 160.000.000đ”*.

Tại Kết luận giám định số: 1216/KLGD ngày 19/10/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“5.1. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký dưới mục “Đại diện bên B” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Thành N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) có phải do cùng một người ký ra hay không, vì chữ ký khác dạng. 5.2. Chữ viết mang tên Nguyễn Thành N (trừ các chữ viết dưới mục “Đại diện bên A”) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Thành N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra”*.

Ngày 02/10/2021, anh Nguyễn Anh Đ (là anh trai của Nguyễn Thành N, được N tác động nhờ khắc phục hậu quả thay cho N) đã bồi thường đầy đủ cho anh H1 và chị N2. Sau khi nhận bồi thường anh H1 và chị N2 không có yêu cầu gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N. Anh Đ cũng không yêu cầu N phải bồi hoàn số tiền đã bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 161/2021/HS-ST ngày 24/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn

Thành N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thành N 03 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, còn tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2021, bị cáo Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành N vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N, giữ nguyên bản án sơ thẩm; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bị cáo N có hành vi thuê xe ô tô ngay thẳng sau đó do cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã cầm cố xe ô tô đã thuê để lấy số tiền 45.000.000đ, trị giá xe ô tô là 160.000.000đ nên Cơ quan tố tụng điều tra, truy tố, xét xử bị cáo N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, số tiền chiếm đoạt không lớn, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sau đó ra đầu thú; người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ mới sinh con nhỏ và gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều

tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có liên quan, người làm chứng, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần phương tiện đi lại nên khoảng 10 giờ ngày 05/8/2017, tại gia đình anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989, ở thôn Đ2, xã T5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, giữa anh H1 và bị cáo N đã thỏa thuận về việc cho N thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu sơn bạc, biển kiểm soát 88A-077.29 với giá thuê là 400.000đ/1ngày và 150.000đ/1đêm. Sau khi thuê xe, ngày 16/8/2017 bị cáo N đã có hành vi sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp bằng việc cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên cho chị Vũ Thị Thanh N2, sinh năm 1989 ở thôn K, xã M1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc để vay số tiền 45.000.000đ. Vì tiêu xài cá nhân hết số tiền vay và không có khả năng trả nợ, bị cáo N đã có hành vi bỏ trốn khỏi địa phương cho đến ngày 17/8/2021 mới ra đầu thú. Trị giá chiếc xe ô tô đã chiếm đoạt là 160.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, tài sản chiếm đoạt có trị giá 160.000.000đ, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình tiến hành tố tụng nói chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại người bị hại, khoản tiền phải bồi thường bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục toàn bộ, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt và đây cũng là lần đầu tiên bị Tòa án đưa ra xét xử; sau khi phạm tội đã nhận thức được sai phạm để tự nguyện ra đầu thú, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình, có mẹ già, con nhỏ thuộc hộ cận nghèo ở địa phương. Mặt khác, khung hình phạt mà điều luật quy định từ 02 đến 07 năm, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Do đó, mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, cần chấp nhận đề nghị của người bào chữa để sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo và phấn đấu sửa chữa lỗi lầm. Như vậy, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2021/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 17/8/2021).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- TAND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Bị cáo trong vụ án;
- Lưu hồ sơ; Tòa Hình sự; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thế Bình